|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/NQ-HĐND |  *Đắk Lắk, ngày tháng năm 2025* |

|  |
| --- |
| **DỰ THẢO** |

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ**

**môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường; Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường; Thông tư số 94/2024/TT-BTC ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về dự thảo Nghị quyết quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn Cấp tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2025 của Ban - Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này; báo cáo kết quả tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp thông qua ngày tháng năm 2025.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ủy ban Thường vụ Quốc hội;- Chính phủ;- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;- Các Bộ: Tài chính; Nội vụ;- Cục KTVB và QLXL VPHC - Bộ Tư pháp;- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;- Thường trực tỉnh ủy;- Thường trực HĐND tỉnh;- Đoàn ĐBQH tỉnh;- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;- Đại biểu HĐND tỉnh; - Viện KSND, TAND tỉnh, Cơ quan THADS tỉnh;- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk;- Trung tâm Công nghệ và Cổng TTĐT tỉnh;- Lưu: VT, CTHĐND. | **CHỦ TỊCH****Cao Thị Hòa An**  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH**

**Một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường (bao gồm các dự án, đề án, chương trình bảo vệ môi trường nếu có) do ngân sách nhà nước bảo đảm.

2. Các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường thuộc các nguồn kinh phí khác (như chi từ nguồn sự nghiệp khoa học, vốn đầu tư phát triển và các nguồn vốn khác) không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này.

3. Các mức chi không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và các văn bản liên quan.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

**Điều 3. Quy định về mức chi**

1. Chi phí lập nhiệm vụ, dự án: gồm chi phí lập đề cương nhiệm vụ, dự án; chi phí thu thập, khảo sát, lấy và gia công phân tích một số mẫu phục vụ lập đề cương (theo quy trình quy phạm kỹ thuật nếu có); phân tích tư liệu, kết quả khảo sát; lựa chọn giải pháp kỹ thuật, thiết kế phương án thi công, tính toán khối lượng công việc và lập dự toán kinh phí; họp hội đồng xét duyệt đề cương, xin ý kiến thẩm định, hoàn thiện cho đến khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

2. Một số mức chi khác:

 *Đvt: ngàn đồng*

| **STT** | **Nội dung chi** | **Đơn vị tính** | **Nhiệm vụ BVMT cấp tỉnh** | **Nhiệm vụ BVMT cấp xã, phường** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Họp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có) | Buổi họp |  |   | Không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm |
|   | - Chủ tịch Hội đồng | Người/buổi | 500 | 400 |
|   | - Thành viên, thư ký | Người/buổi | 300 | 240 |
|   | - Đại biểu được mời tham dự | Người/buổi | 150 | 120 |
|   | - Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện | Bài viết | 500 | 400 |
|   | - Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng | Bài viết | 300 | 240 |
| 2 | Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết): | Bài viết | 500 | 400 | Trường hợp không thành lập hội đồng |
| 3 | Điều tra, kháo sát: |   |  |  |   |
| 3.1 | Lập mẫu phiếu điều tra | Phiếu mẫu được duyệt | 500 | 400 |   |
| 3.2 | Chi cho đối tượng cung cấp thông tin |   |  |  |   |
|   | - Cá nhân | Phiếu | 50 | 50 |   |
|   | -Tổ chức | Phiếu | 100 | 100 |   |
| 3.3 | Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài) | Nguời/ngày công | Mức tiền công 1 người/ngày tối đa không quá 160% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày) | Mức tiền công 1 người/ngày tối đa không quá 160% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày) |   |
| 3.4 | Chi cho người dẫn đường | Người/ngày | 100 | 100 | Chỉ áp dụng cho điều tra thuộc vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên |
| 3.5 | Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc | Nguời/ngày | 200 | 200 |
| 4 | Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ: | Báo cáo |  |  |   |
|   | - Nhiệm vụ |   | 5.000 | 4.000 |   |
|   | - Dự án |   | 15.000 | 12.000 |  |
| 5 | Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo Quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có) |   |  |  |   |
|   | - Chủ tịch Hội đổng | Người/buổi | 700 | 550 |   |
|   | - Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có) | Người/buổi | 600 | 480 |   |
|   | - Ủy viên, thư ký hội đồng | Người/buổi | 300 | 250 |   |
|   | - Đại biểu được mời tham dự | Người/buổi | 150 | 120 |   |
|   | - Bài nhận xét của ủy viên phản biện | Bài viết | 500 | 400 |   |
|   | - Bài nhận xét của ủy viên hội đồng (nếu có) | Bài viết | 300 | 240 |   |
|   | - Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03) | Bài viết | 400 | 320 |   |
| 6 | Hội thảo khoa học (nếu có): |   |  |  |   |
|   | - Người chủ trì | Người/buổi | 500 | 400 |   |
|   | - Thư ký hội thảo | Người/buổi | 300 | 240 |   |
|   | - Đại biểu được mời tham dự | Người/buổi | 150 | 120 |   |
|   | - Báo cáo tham luận | Bài viết | 350 | 280 |   |
| 7 | Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ: |   |  |  |   |
| 7.1 | Nghiệm thu nhiệm vụ |   |  |  |   |
|   | - Chủ tịch hội đồng | Người/buổi | 400 | 300 |   |
|   | - Thành viên, thư ký | Người/buổi | 200 | 150 |   |
| 7.2 | Nghiệm thu dự án |   |  |  |   |
|   | - Chủ tịch Hội đồng | Người/buổi | 700 | 500 |   |
|   | - Thành viên, thư ký hội đồng | Người/buổi | 400 | 300 |   |
|   | - Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện | Bài viết | 500 | 400 |   |
|   | - Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có) | Bài viết | 400 | 320 |   |
|   | - Đại biểu dược mời tham dự | Người/buổi | 150 | 100 |   |
| 8 | Chi hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã, phường |   |  | Mức chi hợp đồng lao động tối đa bằng 1,5 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định |   |
| 9 | Chi giải thưởng môi trường |   | Tùy theo tính chất, quy mô của dự án, nhiệm vụ, UBND cùng cấp quyết định mức chi cụ thể | Tùy theo tính chất, quy mô của dự án, nhiệm vụ, UBND cùng cấp quyết định mức chi cụ thể |  |

 **Điều 4. Nguồn kinh phí đảm bảo**

1. Từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành.

 2. Từ nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

**Điều 5. Điều khoản thi hành**

Trường hợp các văn bản được viện dẫn áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.